

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

THỜI KHÓA BIỂU HỌC HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024_2025
CÁC LỚP THẠC SĨ K6 VÀ K7, CÁC LỚP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY K14, K15 VÀ K16, K17
CÁC LỚP ĐẠI HỌC VHVH K8 K9 VÀ K10, LỚP LIÊN THÔNG CƠ ĐIỆN TUYỂN KHOÁNG K15

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
1. Khoa Khoa học Cơ Bản										
1	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	1	ĐHCQ0074_K16.1_LT.3_T H	33	Dương Khắc Mạnh	Nhà rèn luyện thể chất	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T10-11);	K16	
2	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	1	ĐHCQ0074_K16.1_LT.4_T H	33	Dương Khắc Mạnh	Nhà rèn luyện thể chất	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T10-11);	K16	
3	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	1	ĐHCQ0074_K16.1_LT.5_T H	37	Dương Khắc Mạnh	Nhà rèn luyện thể chất	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T10-11);	K16	
4	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	ĐHCQ0072_K17.1_LT.10_T H	45	Nguyễn Xuân Huy	Đường chạy 02	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T10-11);	K17	
5	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	ĐHCQ0072_K17.1_LT.9_T H	46	Nguyễn Xuân Huy	Đường chạy 02	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T1-2);	K17	
6	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	ĐHCQ0072_K17.1_LT.1_T H	25	Phạm Thị Thu Hà	Đường chạy 01	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T10-11);	K17	
7	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	ĐHCQ0072_K17.1_LT.5_T H	42	Phạm Thị Thu Hà	Đường chạy 01	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T1-2);	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
8	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	ĐHCQ0072_K17.1_LT.2_T H	25	Phạm Thị Thu Hà	Đường chạy 01	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T10-11);	K17	
9	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	ĐHCQ0072_K17.1_LT.6_T H	29	Phạm Thị Thu Hà	Đường chạy 01	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T1-2);	K17	
10	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	ĐHCQ0072_K17.1_LT.3_T H	36	Phạm Thị Thu Hà	Đường chạy 01	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T10-11);	K17	
11	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	ĐHCQ0072_K17.1_LT.7_T H	29	Phạm Thị Thu Hà	Đường chạy 01	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T1-2);	K17	
12	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	ĐHCQ0072_K17.1_LT.4_T H	37	Phạm Thị Thu Hà	Đường chạy 01	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T10-11);	K17	
13	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	ĐHCQ0072_K17.1_LT.8_T H	34	Phạm Thị Thu Hà	Đường chạy 01	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T1-2);	K17	
14	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	1	ĐHCQ0074_K16.1_LT.1_T H	28	Trần Hoài Nam	Sân ký túc xá sinh viên Lào	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T1-2);	K16	
15	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	1	ĐHCQ0074_K16.1_LT.2_T H	28	Trần Hoài Nam	Sân ký túc xá sinh viên Lào	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T1-2);	K16	
16	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	1	ĐHCQ0074_K16.1_LT.6_T H	30	Trương Công Tuấn	Sân ký túc xá sinh viên Lào	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T10-11);	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
17	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	1	ĐHCQ0074_K16.1_LT.7_TH	31	Trương Công Tuấn	Sân ký túc xá sinh viên Lào	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T10-11);	K16	
18	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	1	ĐHCQ0074_K16.1_LT.8_TH	35	Trương Công Tuấn	Sân ký túc xá sinh viên Lào	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T10-11);	K16	
19	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.5_LT.1_TH	23	Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T2-3);	K17	
20	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.4_LT.2_TH	23	Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T4-5);	K17	
21	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.3_LT.1_TH	30	Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T6-7);	K17	
22	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.3_LT.2_TH	28	Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T8-9);	K17	
23	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.6_LT	34	Lê Thị Thanh Hoa	D1-P101	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T3-5);	K17	
24	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.5_LT.2_TH	22	Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T6-7);	K17	
25	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.6_LT.2_TH	17	Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T8-9);	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
26	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.2_LT	44	Lê Thị Thanh Hoa	D1-P103	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T1-3);	K17	
27	02HOAHOC101	Hóa học đại cương	2	02HOAHOC101_K17.1_LT	36	Nguyễn Thị Như Hoa	D1-P207	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T2-3);	K17	
28	02HOAHOC101	Hóa học đại cương	2	02HOAHOC101_K17.2_LT	37	Nguyễn Thị Như Hoa	D1-P207	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T4-5);	K17	
29	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.3_LT	58	Nguyễn Thị Thanh Hà	D1-P102	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T3-5);	K17	
30	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.4_LT	46	Nguyễn Thị Thanh Hà	D1-P102	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T1-3);	K17	
31	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.4_LT.1_TH	23	Nguyễn Thị Thanh Hà	D2-P110	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T4-5);	K17	
32	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.2_LT.1_TH	22	Nguyễn Thị Thanh Hà	D2-P110	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T6-7);	K17	
33	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.2_LT.2_TH	22	Nguyễn Thị Thanh Hà	D2-P110	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T8-9);	K17	
34	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.1_LT	48	Nguyễn Thị Thanh Hoa	D1-P102	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T1-3);	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
35	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.1_LT.1_TH	24	Nguyễn Thị Thanh Hoa	D2-P110	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T4-5);	K17	
36	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.6_LT.1_TH	17	Nguyễn Thị Thanh Hoa	D2-P110	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T2-3);	K17	
37	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.1_LT.2_TH	24	Nguyễn Thị Thanh Hoa	D2-P110	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T4-5);	K17	
38	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	02VATLY101_K17.5_LT	45	Nguyễn Thị Thanh Hoa	D1-P103	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T1-3);	K17	
39	ĐHCQ0082	Hóa học hữu cơ	2	ĐHCQ0082_LTCĐTK15.1_LT	3	Phạm Thị Thủy	D2-P106	06/01/25-19/01/25 - Thứ 3(T1-5); Thứ 4(T1-5); Thứ 5(T1-5);	K15	
40	ĐHCQ0290	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng 1	3	ĐHCQ0290_K15.1_LT	1	Bùi Thị Huyền	D1-P306	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T1-3);	K15	
41	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.6_LT	56	Bùi Thị Huyền	D1-P205	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T1-4);	K17	
42	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.5_LT.1_TH	23	Bùi Thị Huyền	D1-P206	31/03/25-25/05/25 - Thứ 5(T4-5);	K17	
43	ĐHCQ0288	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD tổng hợp 1	3	ĐHCQ0288_VLVHK8.1_LT.1_TH	8	Bùi Thị Huyền	PH02	24/03/25-27/04/25 - Chủ nhật(T1-4); Chủ nhật(T6-9);	VLVHK8	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
44	ĐHCQ0288	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD tổng hợp 1	3	ĐHCQ0288_VLVHK8.1_LT	8	Bùi Thị Huyền	PH02	24/03/25-27/04/25 - Thứ 7(T1-4); Thứ 7(T6-9);	VLVHK8	
45	ĐHCQ0283	Tiếng anh chuyên ngành 1 (KETOAN)	2	ĐHCQ0283_K15.1_LT	33	Đồng Thị An Sinh	D1-P306	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T1-2);	K15	
46	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.4_LT.2_TH	28	Đồng Thị An Sinh	D1-P202	31/03/25-25/05/25 - Thứ 4(T3-4);	K17	
47	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_VLVHK10.1_LT.1_TH	18	Đồng Thị An Sinh	Online	24/03/25-20/04/25 - Chủ nhật(T6-9);	VLVH10	
48	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_VLVHK10.1_LT	18	Đồng Thị An Sinh	Online	24/03/25-20/04/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVH10	
49	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.1_LT	38	Mai Thị Huyền	D1-P205	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T2-5);	K17	
50	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.1_LT.1_TH	13	Mai Thị Huyền	D1-P204	31/03/25-25/05/25 - Thứ 3(T1-2);	K17	
51	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.1_LT.2_TH	25	Mai Thị Huyền	D1-P204	31/03/25-25/05/25 - Thứ 3(T3-4);	K17	
52	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.2_LT	73	Ngô Hải Yến	D1-P403	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T2-5);	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
53	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.2_LT.1_TH	36	Ngô Hải Yến	D1-P403	31/03/25-25/05/25 - Thứ 4(T2-3);	K17	
54	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.2_LT.2_TH	37	Ngô Hải Yến	D1-P403	31/03/25-25/05/25 - Thứ 4(T4-5);	K17	
55	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.3_LT	24	Vũ Thị Thái	D1-P206	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T2-5);	K17	
56	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.4_LT	58	Vũ Thị Thái	D1-P201	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T2-5);	K17	
57	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.3_LT.1_TH	24	Vũ Thị Thái	D1-P206	31/03/25-25/05/25 - Thứ 4(T1-2);	K17	
58	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.4_LT.1_TH	30	Vũ Thị Thái	D1-P201	31/03/25-25/05/25 - Thứ 4(T3-4);	K17	
59	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.5_LT.2_TH	23	Vũ Thị Thái	D1-P207	31/03/25-25/05/25 - Thứ 5(T1-2);	K17	
60	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.5_LT.3_TH	23	Vũ Thị Thái	D1-P207	31/03/25-25/05/25 - Thứ 5(T3-4);	K17	
61	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.5_LT	69	Vũ Thị Thanh Huyền	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T1-4);	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
62	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.6_LT.1_T H	22	Vũ Thị Thanh Huyền	D1-P205	31/03/25-25/05/25 - Thứ 6(T7-8);	K17	
63	02TANH102	Tiếng anh cơ bản 2	4	02TANH102_K17.6_LT.2_T H	34	Vũ Thị Thanh Huyền	D1-P205	31/03/25-25/05/25 - Thứ 6(T9-10);	K17	
64	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	02TOAN202_K17.5_LT	45	Bùi Thị Hồng Vân	D1-P204	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T1-3);	K17	
65	02TOAN220	Xác suất thống kê	2	02TOAN220_VLVHK9.1_L T	10	Bùi Thị Hồng Vân	PH05	31/03/25-13/04/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK9	
66	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	02TOAN202_K17.7_LT	46	Hoàng Thị Trang	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T8-10);	K17	
67	02TOAN220	Xác suất thống kê	2	02TOAN220_K16.1_LT	21	Lê Thanh Tuyền	D1-P106	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T8-9);	K16	
68	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	02TOAN202_K17.3_LT	42	Nguyễn Thanh Huyền	D1-P204	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T3-5);	K17	
69	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	02TOAN202_VLVHK10.1_ LT	18	Nguyễn Thị Quế Phương	Online	21/04/25-11/05/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVH10	
70	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	02TOAN202_K17.8_LT	37	Nguyễn Thị Thu Hương	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T8-10);	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
71	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	02TOAN202_K17.4_LT	58	Nguyễn Thị Thu Hương	D1-P204	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T6-8);	K17	
72	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	02TOAN202_K17.1_LT	50	Phạm Ngọc Hải	D1-P202	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T3-5);	K17	
73	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	02TOAN202_K17.2_LT	36	Trần Thị Thùy Dung	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T1-3);	K17	
74	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	02TOAN202_K17.6_LT	17	Vũ Thị Thùy Dương	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T1-3);	K17	
2. Khoa Cơ Khí Động lực										
75	ĐHCQ0294	Tin học ứng dụng chuyên ngành (CNKT CKOT).	3	ĐHCQ0294_K15.1_LT	38	Bùi Công Viên	D1-P104	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T9-10);	K15	
76	02DHOTO364	Thực tập động cơ F1	3	02DHOTO364_K15.1_LT.2_TH	19	Đặng Đình Huy	Phòng thực hành ô tô 2	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T9-11); Thứ 4(T6-8);	K15	
77	02DHOTO376	Hệ thống chẩn đoán trên ô tô	4	02DHOTO376_K14.1_LT	10	Nguyễn Bá Thiện	Phòng thực hành ô tô 1	12/05/25-29/06/25 - Thứ 4(T1-4); Thứ 5(T1-4);	K14	
78	02DHOTO364	Thực tập động cơ F1	3	02DHOTO364_K15.1_LT.1_TH	19	Nguyễn Bá Thiện	Phòng thực hành ô tô 2	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T9-11); Thứ 2(T6-8);	K15	
79	02DHOTO354	Tham quan thực tế	1	02DHOTO354_K14.1_LT.1_TH	21	Nguyễn Sĩ Sơn	TT ngoài Tr	10/2-15/2	K14	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
80	02DHOTO371	Thực tập sản xuất	4	02DHOTO371_K14.1_LT.1_TH	21	Nguyễn Sĩ Sơn	TT ngoài Tr	17/02-15/3	K14	
81	02DHOTO315	Thực tập tốt nghiệp	4	02DHOTO315_K14.1_LT.1_TH	21	Nguyễn Sĩ Sơn	TT ngoài Tr	17/03-12/4	K14	
82	02DHOTO355	Động cơ đốt trong F1	3	02DHOTO355_K15.1_LT	38	Nguyễn Sĩ Sơn	D1-P105	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T3-5);	K15	
83	02DHOTO357	Hệ thống điện động cơ	3	02DHOTO357_K15.1_LT	38	Nguyễn Sĩ Sơn	D1-P106	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T6-8);	K15	
84	02DHOTO354	Tham quan thực tế	1	02DHOTO354_K14.1_LT.2_TH	17	Nguyễn Văn Hậu	TT ngoài Tr	10/2-15/2	K14	
85	02DHOTO375	Kỹ thuật phân tích, hiệu chỉnh và sửa chữa các hệ thống trên ô tô	3	02DHOTO375_K14.1_LT	10	Nguyễn Văn Hậu	Phòng thực hành ô tô 1	12/05/25-29/06/25 - Thứ 5(T6-9); Thứ 6(T6-8);	K14	
86	02DHOTO371	Thực tập sản xuất	4	02DHOTO371_K14.1_LT.2_TH	17	Nguyễn Văn Hậu	TT ngoài Tr	17/02-15/3	K14	
87	02DHOTO315	Thực tập tốt nghiệp	4	02DHOTO315_K14.1_LT.2_TH	17	Nguyễn Văn Hậu	TT ngoài Tr	17/03-12/4	K14	
88	02DHOTO359	Kết cấu ô tô F1	3	02DHOTO359_K15.1_LT	38	Nguyễn Văn Hậu	D1-P304	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T3-5);	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
89	02DHOTO362	Kỹ thuật sửa chữa ô tô	3	02DHOTO362_K15.1_LT	38	Nguyễn Văn Hậu	D1-P105	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T1-2);	K15	
90	02DHOTO362	Kỹ thuật sửa chữa ô tô	3	02DHOTO362_K15.1_LT.1_TH	19	Nguyễn Văn Hậu	Phòng thực hành ô tô 2	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T1-2);	K15	
91	02DHOTO362	Kỹ thuật sửa chữa ô tô	3	02DHOTO362_K15.1_LT.2_TH	19	Trần Đình Hương	Phòng thực hành ô tô 2	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T3-4);	K15	
92	ĐHCQ0294	Tin học ứng dụng chuyên ngành (CNKT CKOT)	3	ĐHCQ0294_K15.1_LT.1_T H	19	Trần Thị Duyên	F302	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T1-2);	K15	
93	ĐHCQ0294	Tin học ứng dụng chuyên ngành (CNKT CKOT)	3	ĐHCQ0294_K15.1_LT.2_T H	19	Trần Thị Duyên	F302	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T3-4);	K15	
94	ĐHCQ0044	Đồ án chi tiết máy	1	ĐHCQ0044_K16.1_LT.1_T H	35	Bùi Kim Dung	D1-P301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T4-5);	K16	
95	ĐHCQ0320	Vẽ kỹ thuật	2	ĐHCQ0320_K17.1_LT	46	Nguyễn Thành Trung	D1-P104	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T6-6);	K17	
96	ĐHCQ0320	Vẽ kỹ thuật	2	ĐHCQ0320_K17.1_LT.1_T H	23	Nguyễn Thành Trung	F302	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T7-8);	K17	
97	ĐHCQ0320	Vẽ kỹ thuật	2	ĐHCQ0320_K17.2_LT	45	Nguyễn Thành Trung	D1-P104	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T6-6);	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
98	ĐHCQ0320	Vẽ kỹ thuật	2	ĐHCQ0320_K17.2_LT.1_T H	23	Nguyễn Thành Trung	F302	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T7-8);	K17	
99	ĐHCQ0320	Vẽ kỹ thuật	2	ĐHCQ0320_K17.1_LT.2_T H	23	Nguyễn Thành Trung	F302	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T9-10);	K17	
100	ĐHCQ0320	Vẽ kỹ thuật	2	ĐHCQ0320_K17.2_LT.2_T H	22	Nguyễn Thành Trung	F302	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T9-10);	K17	
101	ĐHCQ0010	Cơ học lý thuyết	2	ĐHCQ0010_K16.1_LT	18	Trần Thị Duyên	D1-P301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T6-7);	K16	
102	02maymo200	Nguyên lý máy – Chi tiết máy	2	02maymo200_K16.1_LT	45	Vi Thị Nhung	D1-P301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T3-4);	K16	
103	02KTHUAT102	Sức bền vật liệu	2	02KTHUAT102_K16.1_LT	15	Vi Thị Nhung	D1-P308	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T6-7);	K16	
104	02KTHUAT102	Sức bền vật liệu	2	02KTHUAT102_K16.2_LT	56	Vi Thị Nhung	D1-P301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T8-9);	K16	
105	02DHcokhi462	Thủy lực đại cương	2	02DHcokhi462_K16.1_LT	35	Đặng Đình Huy	H17	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T2-3);	K16	
106	02cokhi431	Truyền động thủy lực và khí nén	3	02cokhi431_K16.1_LT	35	Đào Đức Hùng	H17	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T6-7);	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
107	02DHmaymo311	Vật liệu cơ khí	2	02DHmaymo311_K16.1_LT	35	Đào Đức Hùng	H17	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T8-9);	K16	
108	02cokhi431	Truyền động thủy lực và khí nén	3	02cokhi431_K16.1_LT.1_T H	18	Đào Đức Hùng	H17	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T6-7);	K16	
109	02DHcokhi462	Thủy lực đại cương	2	02DHcokhi462_K16.3_LT	36	Đào Đức Hùng	H17	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T1-2);	K16	
110	02cokhi431	Truyền động thủy lực và khí nén	3	02cokhi431_K16.1_LT.2_T H	17	Lê Quý Chiến	H17	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T8-9);	K16	
111	02DHCOKHI401	Thủy lực - Máy thủy khí	2	02DHCOKHI401_VLVHK8.1_LT	9	Lê Quý Chiến	H17	06/01/25-19/01/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK8	
112	02DHcokhi462	Thủy lực đại cương	2	02DHcokhi462_VLVHK9.1_LT	10	Lê Quý Chiến	PH05	10/03/25-23/03/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK9	
113	02DHKTHUAT107	Công nghệ kim loại	2	02DHKTHUAT107_K16.1_LT	35	Phạm Quang Tiến	D1-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T1-2);	K16	
114	02DHcokhi462	Thủy lực đại cương	2	02DHcokhi462_K16.2_LT	28	Phạm Quang Tiến	H17	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T3-4);	K16	
115	ĐHCQ0257	Thực tập tốt nghiệp (CĐTK)	4	ĐHCQ0257_LTCĐTK15.1_LT.1_TH	5	Bùi Kim Dung	TT ngoài Tr	24/3-19/4	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
116	02tkhoang364	Tham quan Xí nghiệp Tuyển khoáng	1	02tkhoang364_LTCĐTK15.1_LT.1_TH	3	Trần Thị Duyên	TT ngoài Tr	17/02-22/2	K15	
117	ĐHCQ0237	Thực tập sản xuất (CĐTK)	4	ĐHCQ0237_LTCĐTK15.1_LT.1_TH	5	Trần Thị Duyên	TT ngoài Tr	24/2-22/3	K15	
3. Khoa Công nghệ thông tin										
118	ĐHCQ0130	Kỹ thuật lập trình C++	2	ĐHCQ0130_K15.1_LT	12	Đoàn Thùy Dương	F301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T6-6);	K15	
119	ĐHCQ0130	Kỹ thuật lập trình C++	2	ĐHCQ0130_K15.1_LT.1_TH	12	Đoàn Thùy Dương	F301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T7-8);	K15	
120	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	02TINHOC101_K17.4_LT	34	Lê Thị Phương	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T2-3);	K17	
121	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	02TINHOC101_K17.4_LT.1_TH	17	Lê Thị Phương	F301	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T4-5);	K17	
122	02DHKHM101	Toán rời rạc	3	02DHKHM101_K17.1_LT	23	Lê Thị Phương	D1-P207	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T1-3);	K17	
123	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	02TINHOC101_K17.3_LT	45	Lê Thị Phương	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T4-5);	K17	
124	02DHLAPTRINH203	Nhập môn lập trình	3	02DHLAPTRINH203_K17.1_LT	23	Nguyễn Hồng Quân	D2-P108	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T6-7);	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
125	02DHLAPTRINH203	Nhập môn lập trình	3	02DHLAPTRINH203_K17.1_LT.1_TH	23	Nguyễn Hồng Quân	D2-P108	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T8-9);	K17	
126	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	02TINHOC101_K17.2_LT.2_TH	23	Nguyễn Nguyên Ngọc	F303	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T10-11);	K17	
127	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	02TINHOC101_K17.1_LT	70	Nguyễn Nguyên Ngọc	D1-P101	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T1-2);	K17	
128	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	02TINHOC101_K17.1_LT.2_TH	30	Nguyễn Nguyên Ngọc	F302	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T3-4);	K17	
129	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	02TINHOC101_K17.2_LT	46	Nguyễn Nguyên Ngọc	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T6-7);	K17	
130	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	02TINHOC101_K17.2_LT.1_TH	23	Nguyễn Nguyên Ngọc	F303	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T8-9);	K17	
131	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	02TINHOC101_K17.1_LT.1_TH	12	Nguyễn Nguyên Ngọc	F302	10/02/25-25/05/25 - Thứ 7(T1-2);	K17	
132	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	02TINHOC101_K17.1_LT.3_TH	28	Nguyễn Nguyên Ngọc	F302	10/02/25-25/05/25 - Thứ 7(T3-4);	K17	
133	ĐHCQ0127	Kỹ thuật đồ họa và Xử lý ảnh	3	ĐHCQ0127_K16.1_LT	21	Nguyễn Phương Thảo	THTIN02	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T1-2);	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
134	ĐHCQ0127	Kỹ thuật đồ họa và Xử lý ảnh	3	ĐHCQ0127_K16.1_LT.1_TH	21	Nguyễn Phương Thảo	THTIN02	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T3-4);	K16	
135	02DHKHMT130	Cơ sở dữ liệu phân tán	3	02DHKHMT130_K14.1_LT	11	Nguyễn Thị Thúy Chinh	THTIN02	12/05/25-29/06/25 - Thứ 5(T6-8); Thứ 5(T1-4);	K14	
136	02DHMCNPM118	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (SQL server)	3	02DHMCNPM118_K15.1_LT	34	Nguyễn Thị Thúy Chinh	THTIN02	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T6-7);	K15	
137	02DHMCNPM118	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (SQL server)	3	02DHMCNPM118_K15.1_LT.1_TH	17	Nguyễn Thị Thúy Chinh	THTIN02	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T8-9);	K15	
138	02DHMCNPM118	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (SQL server)	3	02DHMCNPM118_K15.1_LT.2_TH	17	Nguyễn Thị Thúy Chinh	THTIN02	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T3-4);	K15	
139	02DHKHMT147	Phân tích và đánh giá thuật toán	2	02DHKHMT147_K16.1_LT	21	Nguyễn Thị Thúy Chinh	THTIN02	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T2-2);	K16	
140	02DHKHMT147	Phân tích và đánh giá thuật toán	2	02DHKHMT147_K16.1_LT.1_TH	21	Nguyễn Thị Thúy Chinh	THTIN02	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T3-4);	K16	
141	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	02TINHOC101_K17.3_LT.1_TH	23	Trần Văn Liêm	F303	10/02/25-25/05/25 - Thứ 7(T1-2);	K17	
142	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	02TINHOC101_K17.3_LT.2_TH	22	Trần Văn Liêm	F303	10/02/25-25/05/25 - Thứ 7(T3-4);	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
143	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	02TINHOC101_K17.4_LT.2_TH	17	Trần Văn Liêm	F301	10/02/25-25/05/25 - Thứ 7(T6-7);	K17	
144	ĐHCQ0120	Kiểm thử phần mềm	3	ĐHCQ0120_K15.1_LT	34	Đặng Đình Đức	D2-P108	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T1-2);	K15	
145	ĐHCQ0120	Kiểm thử phần mềm	3	ĐHCQ0120_K15.1_LT.1_TH	17	Đặng Đình Đức	D2-P108	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T6-7);	K15	
146	ĐHCQ0120	Kiểm thử phần mềm	3	ĐHCQ0120_K15.1_LT.2_TH	17	Đặng Đình Đức	D2-P108	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T8-9);	K15	
147	02DHMCNPM101	Kiến trúc máy tính	2	02DHMCNPM101_K17.1_LT	23	Đặng Đình Đức	D1-P207	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T3-4);	K17	
148	02DHMANG144	Quản trị mạng 1	3	02DHMANG144_K16.1_LT	21	Đoàn Thùy Dương	F301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T6-7);	K16	
149	02DHMANG144	Quản trị mạng 1	3	02DHMANG144_K16.1_LT.1_TH	21	Đoàn Thùy Dương	F301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T8-9);	K16	
150	02DHMCNPM111	Lập trình hướng đối tượng	3	02DHMCNPM111_K16.1_LT	21	Đoàn Thùy Dương	F301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T6-7);	K16	
151	02DHMCNPM111	Lập trình hướng đối tượng	3	02DHMCNPM111_K16.1_LT.1_TH	21	Đoàn Thùy Dương	F301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T8-9);	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
152	02DHMCNPM146	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	02DHMCNPM146_K15.1_L T	34	Nguyễn Huy Hoàng	D2-P108	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T1-2);	K15	
153	02DHMCNPM146	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	02DHMCNPM146_K15.1_L T.1_TH	17	Nguyễn Huy Hoàng	D2-P108	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T3-4);	K15	
154	02DHMCNPM146	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	02DHMCNPM146_K15.1_L T.2_TH	17	Nguyễn Huy Hoàng	D2-P108	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T1-2);	K15	
155	ĐHCQ0210	Thiết kế Web	4	ĐHCQ0210_K15.1_LT	34	Nguyễn Huy Hoàng	D2-P108	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T3-4);	K15	
156	ĐHCQ0210	Thiết kế Web	4	ĐHCQ0210_K15.1_LT.1_T H	17	Nguyễn Huy Hoàng	D2-P108	06/01/25-11/05/25 - Thứ 7(T1-4);	K15	
157	ĐHCQ0210	Thiết kế Web	4	ĐHCQ0210_K15.1_LT.2_T H	17	Nguyễn Huy Hoàng	D2-P108	06/01/25-11/05/25 - Thứ 7(T6-9);	K15	
158	02DHMCNPM149	Thực tập tốt nghiệp (CNPM)	10	02DHMCNPM149_K14.1_L T.1_TH	8	Nguyễn Phương Thảo	TT ngoài Tr	10/2-19/4	K14	
159	02DHMCNPM150	Thực tập tốt nghiệp (MMT)	10	02DHMCNPM150_K14.1_L T.1_TH	20	Nguyễn Phương Thảo	TT ngoài Tr	10/2-19/4	K14	
160	02DHHKMT105	Ngôn ngữ Java	3	02DHHKMT105_K15.1_LT	34	Nguyễn Phương Thảo	D2-P108	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T2-3);	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
161	02DHKHMT105	Ngôn ngữ Java	3	02DHKHMT105_K15.1_LT.1_TH	17	Nguyễn Phương Thảo	D2-P108	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T4-5);	K15	
162	02DHKHMT105	Ngôn ngữ Java	3	02DHKHMT105_K15.1_LT.2_TH	17	Nguyễn Phương Thảo	D2-P108	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T6-7);	K15	
163	02DHMCNPM142	Đồ hoạ ứng dụng	3	02DHMCNPM142_K15.1_LT	34	Nguyễn Phương Thảo	D2-P108	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T8-9);	K15	
164	02DHMCNPM142	Đồ hoạ ứng dụng	3	02DHMCNPM142_K15.1_LT.1_TH	17	Nguyễn Phương Thảo	THTIN02	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T6-7);	K15	
165	02DHMCNPM142	Đồ hoạ ứng dụng	3	02DHMCNPM142_K15.1_LT.2_TH	17	Nguyễn Phương Thảo	THTIN02	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T8-9);	K15	
166	02DHMCNPM131	Hệ thống nhúng	4	02DHMCNPM131_K14.1_LT	11	Nguyễn Hồng Quân	D2-P108	12/05/25-29/06/25 - Thứ 4(T1-4); Thứ 4(T6-8);	K14	
167	02DHMCNPM131	Hệ thống nhúng	4	02DHMCNPM131_K14.1_LT.1_TH	11	Nguyễn Hồng Quân	D2-P108	12/05/25-29/06/25 - Thứ 6(T1-5);	K14	
4. Khoa Điện										
168	ĐHCQ0004	Bảo hộ lao động và kỹ thuật An toàn điện	2	ĐHCQ0004_K15.2_LT	39	Bùi Duy Khuông	D1-P305	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T2-3);	K15	
169	02DHCOMAY123	Thực tập tốt nghiệp	4	02DHCOMAY123_K14.1_LT.1_TH	9	Đỗ Văn Vang	TT ngoài Tr	07/4-03/5	K14	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
170	02DHDKH218	Thực tập sản xuất	8	02DHDKH218_K14.1_LT.1_TH	9	Đỗ Văn Vang	TT ngoài Tr	10/02-05/4	K14	
171	ĐHCQ0102	Khí cụ điện	4	ĐHCQ0102_K15.1_LT	47	Đỗ Văn Vang	D1-P305	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T2-5);	K15	
172	02DIEN442	An toàn điện	2	02DIEN442_K15.1_LT	12	Đỗ Văn Vang	D1-P306	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T2-3);	K15	
173	ĐHCQ0004	Bảo hộ lao động và kỹ thuật An toàn điện	2	ĐHCQ0004_K15.1_LT	33	Đỗ Văn Vang	D1-P306	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T4-5);	K15	
174	02dien392	Điện khí hoá xí nghiệp	2	02dien392_VLVHK9.2_LT	8	Đỗ Văn Vang	PH04	07/04/25-20/04/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK9	
175	02DHDKH229	Năng lượng tái tạo	2	02DHDKH229_K15.1_LT	47	Đoàn Thị Bích Thủy	D1-P205	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T3-4);	K15	
176	ĐHCQ0203	Thiết bị điện, cung cấp điện	3	ĐHCQ0203_K16.1_LT	41	Đoàn Thị Bích Thủy	D1-P202	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T1-3);	K16	
177	ĐHCQ0187	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	2	ĐHCQ0187_K16.1_LT	64	Đoàn Thị Bích Thủy	D1-P301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T4-5);	K16	
178	ĐHCQ0187	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	2	ĐHCQ0187_VLVHK9.1_LT	27	Đoàn Thị Bích Thủy	Online	24/02/25-09/03/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK9	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
179	ĐHCQ0058	Đồ án thiết kế máy điện	1	ĐHCQ0058_K15.1_LT.1_T H	47	Ngô Văn Hà	D1-P303	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T1-2);	K15	
180	ĐHCQ0149	Máy điện chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật điện - điện tử	3	ĐHCQ0149_K16.1_LT	17	Ngô Văn Hà	D1-P303	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T1-3);	K16	
181	02dien392	Điện khí hoá xí nghiệp	2	02dien392_K16.1_LT	7	Ngô Văn Hà	D1-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T4-5);	K16	
182	ĐHCQ0145	Máy điện chuyên ngành CN cơ điện mô	4	ĐHCQ0145_VLVHK9.1_LT	10	Ngô Văn Hà	PH05	14/04/25-11/05/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK9	
183	02dien392	Điện khí hoá xí nghiệp	2	02dien392_VLVHK9.1_LT	9	Ngô Văn Hà	D1-P106	24/03/25-06/04/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK9	
184	02DHDKH230	Thực tập sản xuất	8	02DHDKH230_K14.1_LT.1 _TH	44	Nguyễn Thị Thương Duyên	TT ngoài Tr	06/01-22/3	K14	
185	02DHDKH135	Thực tập tốt nghiệp(KTD)	4	02DHDKH135_K14.1_LT.1 _TH	44	Nguyễn Thị Thương Duyên	TT ngoài Tr	24/3-19/4	K14	
186	ĐHCQ0199	Thí nghiệm máy điện- truyền động điện	2	ĐHCQ0199_K15.1_LT.1_T H	23	Nguyễn Thị Thương Duyên	D2-P406	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T6-9);	K15	
187	ĐHCQ0199	Thí nghiệm máy điện- truyền động điện	2	ĐHCQ0199_K15.1_LT.2_T H	24	Nguyễn Thị Thương Duyên	D2-P406	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T6-9);	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
188	02DIEN221	Máy điện	3	02DIEN221_K16.1_LT	41	Nguyễn Thị Thương Duyên	D1-P202	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T1-3);	K16	
189	ĐHCQ0202	Thiết bị điện ứng dụng trong phân phối điện	2	ĐHCQ0202_K16.1_LT	56	Vũ Hữu Quảng	D1-P305	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T6-7);	K16	
190	02dientu470	Rô bôt công nghiệp	3	02dientu470_K15.1_LT	47	Đỗ Thị Hoa	D1-P204	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T6-7);	K15	
191	02dientu470	Rô bôt công nghiệp	3	02dientu470_K15.1_LT.1_T H	23	Đỗ Thị Hoa	D2-P208	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T2-3);	K15	
192	02dientu470	Rô bôt công nghiệp	3	02dientu470_K15.1_LT.2_T H	24	Đỗ Thị Hoa	D2-P208	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T4-5);	K15	
193	ĐHCQ0128	Kỹ thuật đo lường điện và thiết bị đo	2	ĐHCQ0128_K16.1_LT	41	Đỗ Thị Hoa	D1-P202	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T2-3);	K16	
194	02dientu313	CAD trong điện tử	3	02dientu313_K15.1_LT	12	Đoàn Thị Như Quỳnh	F302	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T1-1);	K15	
195	02dientu313	CAD trong điện tử	3	02dientu313_K15.1_LT.1_T H	12	Đoàn Thị Như Quỳnh	F302	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T2-5);	K15	
196	02dientu201	Kỹ thuật điện - điện tử	2	02dientu201_K16.1_LT	35	Đoàn Thị Như Quỳnh	D1-P306	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T2-3);	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
197	02DHDKH226	Thực tập sản xuất	8	02DHDKH226_K14.1_LT.1_TH	5	Lê Quyết Thắng	TT ngoài Tr	06/01-29/3	K14	
198	02DHDDT226	Thực tập tốt nghiệp	7	02DHDDT226_K14.1_LT.1_TH	10	Lê Quyết Thắng	TT ngoài Tr	06/1-15/3	K14	
199	02DHDKH215	Thực tập tốt nghiệp(điện lạnh)	4	02DHDKH215_K14.1_LT.1_TH	5	Lê Quyết Thắng	TT ngoài Tr	31/3-26/4	K14	
200	ĐHCQ0041	Đồ án 1 (phần cơ sở)	2	ĐHCQ0041_K16.1_LT.1_TH	17	Lê Quyết Thắng	D2-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T6-9);	K16	
201	02DHDIENTU212	Điện tử tương tự - điện tử số	3	02DHDIENTU212_K16.2_LT	56	Nguyễn Thị Trang	D1-P303	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T2-3);	K16	
202	02DHDIENTU212	Điện tử tương tự - điện tử số	3	02DHDIENTU212_K16.2_LT.1_TH	28	Nguyễn Thị Trang	D2-P306	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T4-5);	K16	
203	02DHDIENTU212	Điện tử tương tự - điện tử số	3	02DHDIENTU212_K16.2_LT.2_TH	28	Nguyễn Thị Trang	D2-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T6-7);	K16	
204	02DHDientu503	Cấu kiện điện tử	3	02DHDientu503_K15.1_LT	12	Trần Thị Thơm	D1-P207	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T6-7);	K15	
205	02DHDientu503	Cấu kiện điện tử	3	02DHDientu503_K15.1_LT.1_TH	12	Trần Thị Thơm	D2-P306	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T8-9);	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
206	02DHDientu498	Quang điện tử	2	02DHDientu498_K15.1_LT	12	Trần Văn Thương	D1-P202	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T4-5);	K15	
207	02DHDIENTU509	Thiết bị điện-Điện tử	3	02DHDIENTU509_K15.1_LT	12	Trần Văn Thương	D1-P202	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T6-7);	K15	
208	02DHDIENTU509	Thiết bị điện-Điện tử	3	02DHDIENTU509_K15.1_LT.1_TH	12	Trần Văn Thương	D2-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T8-9);	K15	
209	02DHDIENTU212	Điện tử tương tự - điện tử số	3	02DHDIENTU212_K16.1_LT	8	Trần Văn Thương	D1-P308	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T2-3);	K16	
210	02DHDIENTU212	Điện tử tương tự - điện tử số	3	02DHDIENTU212_K16.1_LT.1_TH	8	Trần Văn Thương	D2-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T4-5);	K16	
211	02dientu230	Đo lường điện – điện tử	2	02dientu230_K16.1_LT	17	Vũ Thị Hằng	D1-P308	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T1-2);	K16	
212	ĐHCQ0213	Thực hành đo lường điện-điện tử	3	ĐHCQ0213_K16.1_LT.1_TH	17	Vũ Thị Hằng	I2	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T3-5); Thứ 6(T3-5);	K16	
213	ĐHCQ0140	Lý thuyết điều khiển tự động	3	ĐHCQ0140_K15.1_LT	12	Bùi Thị Thêm	D1-P106	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T2-3);	K15	
214	ĐHCQ0140	Lý thuyết điều khiển tự động	3	ĐHCQ0140_K15.1_LT.1_TH	12	Bùi Thị Thêm	D2-P109	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T4-5);	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
215	ĐHCQ0143	Mạng truyền thông công nghiệp	3	ĐHCQ0143_K15.2_LT	39	Bùi Thị Thêm	D1-P205	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T6-7);	K15	
216	ĐHCQ0143	Mạng truyền thông công nghiệp	3	ĐHCQ0143_K15.1_LT	33	Bùi Thị Thêm	D1-P205	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T8-9);	K15	
217	02tdhoa450	Hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu (SCADA)	3	02tdhoa450_K15.2_LT.1_T H	39	Bùi Thị Thêm	I1	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T4-5);	K15	
218	ĐHCQ0143	Mạng truyền thông công nghiệp	3	ĐHCQ0143_K15.2_LT.1_T H	39	Bùi Thị Thêm	I1	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T8-9);	K15	
219	ĐHCQ0140	Lý thuyết điều khiển tự động	3	ĐHCQ0140_K16.1_LT	41	Bùi Thị Thêm	D1-P202	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T8-9);	K16	
220	ĐHCQ0140	Lý thuyết điều khiển tự động	3	ĐHCQ0140_K16.1_LT.1_T H	21	Bùi Thị Thêm	I3	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T2-3);	K16	
221	02tdhoa330	Vi xử lý - Vi điều khiển	3	02tdhoa330_K15.1_LT	47	Lâm Thị Huyền	D1-P105	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T8-9);	K15	
222	02tdhoa330	Vi xử lý - Vi điều khiển	3	02tdhoa330_K15.1_LT.2_T H	24	Lâm Thị Huyền	D2-P109	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T10-11);	K15	
223	02tdhoa330	Vi xử lý - Vi điều khiển	3	02tdhoa330_K15.1_LT.1_T H	23	Lâm Thị Huyền	D2-P109	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T8-9);	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
224	02tdhoa330	Vi xử lý - Vi điều khiển	3	02tdhoa330_K16.1_LT.1_T H	21	Lâm Thị Huyền	D2-P109	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T4-5);	K16	
225	02tdhoa330	Vi xử lý - Vi điều khiển	3	02tdhoa330_K16.1_LT.2_T H	20	Lâm Thị Huyền	D2-P109	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T6-7);	K16	
226	ĐHCQ0140	Lý thuyết điều khiển tự động	3	ĐHCQ0140_K16.1_LT.2_T H	20	Lưu Bình	I3	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T4-5);	K16	
227	ĐHCQ0126	Kỹ thuật điều khiển tự động truyền động điện + Đồ án	3	ĐHCQ0126_K15.2_LT	39	Nguyễn Thị Mến	D1-P305	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T1-2);	K15	
228	ĐHCQ0126	Kỹ thuật điều khiển tự động truyền động điện + Đồ án	3	ĐHCQ0126_K15.1_LT	33	Nguyễn Thị Mến	D1-P305	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T4-5);	K15	
229	ĐHCQ0126	Kỹ thuật điều khiển tự động truyền động điện + Đồ án	3	ĐHCQ0126_K15.2_LT.1_T H	39	Nguyễn Thị Mến	I3	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T6-7);	K15	
230	ĐHCQ0126	Kỹ thuật điều khiển tự động truyền động điện + Đồ án	3	ĐHCQ0126_K15.1_LT.1_T H	33	Nguyễn Thị Mến	I3	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T8-9);	K15	
231	02DHTDH533	Thăm quan thực tế sản xuất	1	02DHTDH533_K14.1_LT.1 _TH	67	Nguyễn Thị Phúc	TT ngoài Tr	10/3-15/3	K14	
232	02tdhoa450	Hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu (SCADA)	3	02tdhoa450_K15.1_LT	33	Nguyễn Thị Phúc	D1-P103	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T6-7);	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
233	02tdhoa450	Hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu (SCADA)	3	02tdhoa450_K15.2_LT	39	Nguyễn Thị Phúc	D1-P103	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T8-9);	K15	
234	02DHTDH154	Cơ sở tự động hóa	2	02DHTDH154_K16.1_LT	64	Nguyễn Thị Phúc	D1-P303	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T8-9);	K16	
235	ĐHCQ0212	Thực hành điện tử công suất	2	ĐHCQ0212_K15.1_LT.2_T H	39	Nguyễn Thu Hương	I3	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T6-9);	K15	
236	ĐHCQ0311	Trang bị điện điện tử trên máy công nghiệp	2	ĐHCQ0311_K15.1_LT	33	Nguyễn Văn Trung	D1-P104	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T2-3);	K15	
237	ĐHCQ0311	Trang bị điện điện tử trên máy công nghiệp	2	ĐHCQ0311_K15.2_LT	39	Nguyễn Văn Trung	D1-P104	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T4-5);	K15	
238	02TDHOA340	Điện tử công suất	3	02TDHOA340_K16.1_LT	41	Nguyễn Văn Trung	D1-P202	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T6-7);	K16	
239	02DHTDH537	Thực tập tốt nghiệp	6	02DHTDH537_K14.1_LT.1 _TH	67	Trần Ngân Hà	TT ngoài Tr	06/01-08/3	K14	
240	02tdhoa450	Hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu (SCADA)	3	02tdhoa450_K15.1_LT.1_T H	33	Trần Ngân Hà	II	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T2-3);	K15	
241	ĐHCQ0143	Mạng truyền thông công nghiệp	3	ĐHCQ0143_K15.1_LT.1_T H	33	Trần Ngân Hà	II	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T6-7);	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
242	ĐHCQ0035	Điều khiển nhúng	3	ĐHCQ0035_K15.1_LT	33	Trần Ngân Hà	D1-P102	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T2-3);	K15	
243	ĐHCQ0035	Điều khiển nhúng	3	ĐHCQ0035_K15.2_LT	39	Trần Ngân Hà	D1-P102	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T4-5);	K15	
244	ĐHCQ0035	Điều khiển nhúng	3	ĐHCQ0035_K15.1_LT.1_T H	33	Trần Ngân Hà	D2-P109	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T6-7);	K15	
245	ĐHCQ0035	Điều khiển nhúng	3	ĐHCQ0035_K15.2_LT.1_T H	39	Trần Ngân Hà	D2-P109	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T8-9);	K15	
246	02tdhoa330	Vi xử lý - Vi điều khiển	3	02tdhoa330_K16.1_LT	41	Trần Ngân Hà	D1-P202	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T4-5);	K16	
247	ĐHCQ0212	Thực hành điện tử công suất	2	ĐHCQ0212_K15.1_LT.1_T H	33	Trần Thị Thơm	I3	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T2-5);	K15	
248	02TDHOA340	Điện tử công suất	3	02TDHOA340_K16.1_LT.1 _TH	21	Trần Thị Thơm	I3	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T2-3);	K16	
249	02TDHOA340	Điện tử công suất	3	02TDHOA340_K16.1_LT.2 _TH	20	Trần Thị Thơm	I3	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T4-5);	K16	
5. Khoa Kinh tế										
250	ĐHCQ0020	Đề án Kế toán 1	2	ĐHCQ0020_K16.1_LT.1_T H	37	Đỗ Thị Mơ	D1-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T1-4);	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
251	ĐHCQ0156	Nguyên lý kế toán (KETOAN)	4	ĐHCQ0156_K17.1_LT	30	Đỗ Thị Mơ	D1-P206	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T1-4);	K17	
252	ĐHCQ0092	Kế toán doanh nghiệp thương mại & dịch vụ	2	ĐHCQ0092_K15.1_LT	37	Lương Văn Tộ	D1-P103	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T1-2);	K15	
253	02DHQTKD104	Toán kinh tế	3	02DHQTKD104_K16.1_LT	6	Lương Văn Tộ	D1-P104	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T3-5);	K16	
254	02DHKETOAN151	Kế toán công ty	3	02DHKETOAN151_K14.1_LT	46	Nguyễn Thanh Hằng	D1-P102	17/03/25-04/05/25 - Thứ 2(T6-8); Thứ 3(T6-7); Thứ 3(T3-5);	K14	
255	ĐHCQ0100	Kế toán thuế	3	ĐHCQ0100_K15.1_LT	37	Nguyễn Thanh Hằng	D1-P204	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T2-4);	K15	
256	02DHKETOAN139	Kế toán doanh nghiệp	3	02DHKETOAN139_VLVH K8.1_LT	8	Nguyễn Thanh Hằng	PH02	03/03/25-23/03/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK8	
257	02DHKETOAN149	Thực tập tốt nghiệp	6	02DHKETOAN149_K14.1_LT.1_TH	46	Nguyễn Thị Thơm	TT ngoài Tr	06/01-08/3	K14	
258	02DHKETOAN152	Kế toán TCDN 4	4	02DHKETOAN152_K14.1_LT	46	Nguyễn Thị Thơm	D1-P101	17/03/25-04/05/25 - Thứ 2(T2-5); Thứ 4(T6-8);	K14	
259	02DHKETOAN152	Kế toán TCDN 4	4	02DHKETOAN152_K14.1_LT.1_TH	46	Nguyễn Thị Thơm	D1-P105	17/03/25-04/05/25 - Thứ 5(T1-5);	K14	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
260	ĐHCQ0022	Đề án Kế toán 3	2	ĐHCQ0022_K15.1_LT.1_T H	37	Nguyễn Thị Thơm	D1-P306	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T6-9);	K15	
261	ĐHCQ0099	Kế toán tài chính 2	3	ĐHCQ0099_K15.1_LT	14	Nguyễn Thị Thơm	D1-P207	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T1-2);	K15	
262	ĐHCQ0099	Kế toán tài chính 2	3	ĐHCQ0099_K15.1_LT.1_T H	14	Nguyễn Thị Thơm	D1-P207	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T3-4);	K15	
263	ĐHCQ0097	Kế toán quản trị (KETOAN)	4	ĐHCQ0097_K15.1_LT	37	Nguyễn Thị Thu Hằng (Kế Toán)	D1-P207	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T6-9);	K15	
264	02ketoan402	Nguyên lý kế toán	3	02ketoan402_K16.1_LT	23	Nguyễn Thị Thu Hằng (Kế Toán)	D1-P206	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T6-8);	K16	
265	ĐHCQ0093	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	3	ĐHCQ0093_K15.1_LT	37	Trần Thị Mây	D1-P104	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T6-8);	K15	
266	02tinhoc380	Tin học kế toán	2	02tinhoc380_K15.1_LT	37	Trần Thị Mây	D1-P104	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T1-1);	K15	
267	02tinhoc380	Tin học kế toán	2	02tinhoc380_K15.1_LT.1_T H	19	Trần Thị Mây	F303	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T2-3);	K15	
268	02tinhoc380	Tin học kế toán	2	02tinhoc380_K15.1_LT.2_T H	18	Trần Thị Mây	F303	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T4-5);	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
269	ĐHCQ0088	Kế toán 2	3	ĐHCQ0088_K16.1_LT	37	Vũ Thị Phụng	D1-P308	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T6-8);	K16	
270	02DHQTKD116	Đề án khởi sự kinh doanh	3	02DHQTKD116_K14.1_LT	20	Bùi Thị Thúy Hằng	D1-P101	06/01/25-16/02/25 - Thứ 2(T2-5); Thứ 4(T1-3); Thứ 5(T1-3);	K14	
271	02DHQTKD116	Đề án khởi sự kinh doanh	3	02DHQTKD116_K14.1_LT. 1_TH	20	Bùi Thị Thúy Hằng	D1-P101	06/01/25-16/02/25 - Thứ 2(T9-11); Thứ 2(T6-8); Thứ 4(T4-5); Thứ 5(T4-5);	K14	
272	02DHQUANTRI16	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	6	02DHQUANTRI16_K14.1 _LT.1_TH	20	Bùi Thị Thúy Hằng	TT ngoài Tr	10/3-19/4	K14	
273	02DHQUANTRI15	Thực tập nghiệp vụ + Thực tế sản xuất	3	02DHQUANTRI15_K14.1 _LT.1_TH	20	Bùi Thị Thúy Hằng	TT ngoài Tr	17/2 -08/3	K14	
274	ĐHCQ0182	Quản trị rủi ro	2	ĐHCQ0182_K15.1_LT	19	Bùi Thị Thúy Hằng	D1-P205	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T6-7);	K15	
275	ĐHCQ0172	Quản trị đổi mới, sáng tạo	2	ĐHCQ0172_K17.1_LT	13	Bùi Thị Thúy Hằng	D1-P206	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T8-9);	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
276	02KINHTE100	Kinh tế học đại cương	2	02KINHTE100_VLVHK9.1_LT	27	Bùi Thị Thúy Hằng	Online	10/02/25-23/02/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK9	
277	ĐHCQ0181	Quản trị nhân lực	3	ĐHCQ0181_K15.1_LT	19	Đặng Thị Thu Giang	D1-P205	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T6-7);	K15	
278	ĐHCQ0181	Quản trị nhân lực	3	ĐHCQ0181_K15.1_LT.1_T H	19	Đặng Thị Thu Giang	D1-P205	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T8-9);	K15	
279	02kinhte101	Kinh tế vi mô	3	02kinhte101_K17.1_LT	50	Đặng Thị Thu Giang	D1-P204	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T8-10);	K17	
280	02quantri311	Quản trị kinh doanh	2	02quantri311_VLVHK9.1_L T	9	Đặng Thị Thu Giang	D1-P106	07/04/25-20/04/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK9	
281	02DHQTKD119	Thương mại điện tử	2	02DHQTKD119_K15.1_LT	19	Nguyễn Thị Mơ	D1-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T1-2);	K15	
282	02DHQTKD103	Hành vi tổ chức	2	02DHQTKD103_K15.1_LT	19	Nguyễn Thị Mơ	D1-P304	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T4-5);	K15	
283	ĐHCQ0144	Marketing căn bản	3	ĐHCQ0144_K16.1_LT	6	Nguyễn Thị Mơ	D1-P301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T3-5);	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
284	02DHQTKD119	Thương mại điện tử	2	02DHQTKD119_K16.1_LT	17	Nguyễn Thị Mơ	D1-P106	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T1-2);	K16	
285	02DHKETOAN132	Marketing căn bản	2	02DHKETOAN132_K16.1_LT	37	Nguyễn Thị Mơ	D1-P205	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T3-5);	K16	
286	ĐHCQ0144	Marketing căn bản	3	ĐHCQ0144_VLVHK8.1_LT	8	Nguyễn Thị Mơ	PH02	10/02/25-02/03/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK8	
287	ĐHCQ0186	Quản trị văn phòng	3	ĐHCQ0186_K15.1_LT	19	Phí Thị Thanh Huyền	D1-P103	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T2-4);	K15	
288	02DHQTKD127	Quản trị thương hiệu	2	02DHQTKD127_K15.1_LT	19	Phí Thị Thanh Huyền	D1-P301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T2-3);	K15	
289	02DHQTKD111	Quản trị chiến lược	3	02DHQTKD111_K16.1_LT	6	Phí Thị Thanh Huyền	D1-P206	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T7-9);	K16	
290	02quantri311	Quản trị kinh doanh	2	02quantri311_K15.1_LT	47	Trần Thị Thanh Hương	D1-P301	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T1-2);	K15	
291	ĐHCQ0179	Quản trị Marketing	2	ĐHCQ0179_K15.1_LT	19	Trần Thị Thanh Hương	D1-P103	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T3-4);	K15	
292	02DHketoan482	Nguyên lý thống kê	2	02DHketoan482_K16.1_LT	54	Trần Thị Thanh Hương	D1-P204	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T6-7);	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
293	ĐHCQ0179	Quản trị Marketing	2	ĐHCQ0179_VLVHK8.1_LT	8	Trần Thị Thanh Hương	PH02	28/04/25-11/05/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK8	
294	02DHQTKD108	Quản trị sự thay đổi	2	02DHQTKD108_K14.1_LT	20	Trần Thị Thu Lan	D1-P101	06/01/25-16/02/25 - Thứ 4(T6-10); Thứ 3(T1-5);	K14	
295	ĐHCQ0173	Quản trị dự án	3	ĐHCQ0173_K15.1_LT	19	Trần Thị Thu Lan	D1-P303	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T6-7);	K15	
296	ĐHCQ0173	Quản trị dự án	3	ĐHCQ0173_K15.1_LT.1_T H	19	Trần Thị Thu Lan	D1-P303	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T8-9);	K15	
297	ĐHCQ0121	Kinh tế lượng	2	ĐHCQ0121_K16.1_LT	17	Trần Thị Thu Lan	D1-P308	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T6-7);	K16	
298	02quantri311	Quản trị kinh doanh	2	02quantri311_VLVHK9.2_L T	8	Trần Thị Thu Lan	PH04	17/03/25-30/03/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK9	
299	ĐHCQ0188	Tài chính doanh nghiệp	3	ĐHCQ0188_K16.1_LT	37	Lãnh Thị Hòa	D1-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T6-8);	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
300	ĐHCQ0137	Lập và phân tích dự án đầu tư	4	ĐHCQ0137_K15.1_LT	14	Lê Xuân Hương	D1-P102	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T1-3);	K15	
301	ĐHCQ0137	Lập và phân tích dự án đầu tư	4	ĐHCQ0137_K15.1_LT.1_T H	14	Lê Xuân Hương	D1-P102	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T4-5);	K15	
302	02DHTIENGVIET T108	Tiếng việt chuyên ngành(KNKT)	4	02DHTIENGVIET108_K15. 1_LT	16	Lê Xuân Hương	D1-P306	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T2-5);	K15	
303	02DHKETOAN13 7	Thực tập tốt nghiệp(TCDN)	4	02DHKETOAN137_K14.1_ LT.1_TH	12	Nguyễn Phương Thúy	TT ngoài Tr	10/2-08/3	K14	
304	ĐHCQ0200	Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán	3	ĐHCQ0200_K15.1_LT	14	Nguyễn Phương Thúy	D1-P104	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T2-3);	K15	
305	ĐHCQ0200	Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán	3	ĐHCQ0200_K15.1_LT.1_T H	14	Nguyễn Phương Thúy	D1-P104	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T4-5);	K15	
306	02DHKETOAN14 1	Thị trường chứng khoán	2	02DHKETOAN141_K16.1_ LT	43	Nguyễn Phương Thúy	D1-P305	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T1-2);	K16	
307	ĐHCQ0193	Tài chính tiền tệ	3	ĐHCQ0193_K17.1_LT	7	Nguyễn Phương Thúy	D1-P308	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T2-3);	K17	
308	ĐHCQ0193	Tài chính tiền tệ	3	ĐHCQ0193_K17.1_LT.1_T H	7	Nguyễn Phương Thúy	D1-P308	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T4-5);	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
309	ĐHCQ0180	Quản trị ngân hàng thương mại	3	ĐHCQ0180_K15.1_LT	14	Nguyễn Thị Thương Huyền	D1-P205	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T6-7);	K15	
310	ĐHCQ0180	Quản trị ngân hàng thương mại	3	ĐHCQ0180_K15.1_LT.1_T H	14	Nguyễn Thị Thương Huyền	D1-P205	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T8-9);	K15	
311	ĐHCQ0190	Tài chính doanh nghiệp 2	4	ĐHCQ0190_K15.1_LT	14	Nguyễn Thị Thương Huyền	D1-P207	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T6-7);	K15	
312	ĐHCQ0190	Tài chính doanh nghiệp 2	4	ĐHCQ0190_K15.1_LT.1_T H	14	Nguyễn Thị Thương Huyền	D1-P207	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T8-10);	K15	
313	ĐHCQ0276	Thuế	4	ĐHCQ0276_K16.1_LT	17	Nguyễn Thị Thủy	D1-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T6-8);	K16	
314	ĐHCQ0276	Thuế	4	ĐHCQ0276_K16.1_LT.1_T H	17	Nguyễn Thị Thủy	D1-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T9-10);	K16	
6. Khoa Mỏ và Công trình										
315	02DHHAMLO207	Tham quan mỏ	2	02DHHAMLO207_VLVHK 8.1_LT.1_TH	9	Hồ Trung Sỹ	TT ngoài Tr	05/05-17/5	VLVHK8	
316	02DHLOTHIEN141	Môi trường công nghiệp	2	02DHLOTHIEN141_VLVH K9.1_LT	9	Hồ Trung Sỹ	D1-P106	10/03/25-23/03/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK9	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
317	03KMTT515	Tối ưu hóa thiết kế mỏ hầm lò	2	03KMTT515_ThSK7.1_LT.1_TH	30	Hoàng Hùng Thắng	D1-P102	12/05/25-01/06/25 - Thứ 7(T1-5);	ThK7	
318	ĐHCQ0151	Mở vỉa và khai thác hầm lò	3	ĐHCQ0151_K15.1_LT	5	Hoàng Văn Nam	D1-P205	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T8-10);	K15	
319	02hamlo330	Kỹ thuật thông gió và thoát nước mỏ	3	02hamlo330_K15.1_LT	5	Hoàng Văn Nghị	D1-P106	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T3-5);	K15	
320	02DHLOTHIEN141	Môi trường công nghiệp	2	02DHLOTHIEN141_K16.1_LT	10	Hoàng Văn Nghị	D1-P206	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T1-2);	K16	
321	ThCQ0007	Tối ưu hóa công tác điều hành và tổ chức sản xuất trong mỏ hầm lò cấp phân xưởng	2	ThCQ0007_ThSK6.1_LT	15	Khương Phúc Lợi	D1-P101	10/02/25-02/03/25 - Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11);	ThK6	
322	ThCQ0007	Tối ưu hóa công tác điều hành và tổ chức sản xuất trong mỏ hầm lò cấp phân xưởng	2	ThCQ0007_ThSK6.1_LT.1_TH	15	Khương Phúc Lợi	D1-P101	10/02/25-02/03/25 - Thứ 7(T1-5);	ThK6	
323	03KMCQ530	Các quy trình công nghệ khai thác quặng hầm lò	3	03KMCQ530_ThSK7.1_LT	30	Khương Phúc Lợi	D1-P102	31/03/25-20/04/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11);	ThK7	
324	03KMCQ530	Các quy trình công nghệ khai thác quặng hầm lò	3	03KMCQ530_ThSK7.1_LT.1_TH	30	Khương Phúc Lợi	D1-P102	31/03/25-20/04/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10);	ThK7	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
325	02hamlo301	Vận tải mô	3	02hamlo301_K15.1_LT	5	Nguyễn Mạnh Tường	D1-P205	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T1-3);	K15	
326	03KMNT513	Nâng cao hiệu quả thông gió - thoát nước khi khai thác hầm lò xuống sâu	2	03KMNT513_ThSK7.1_LT	30	Nguyễn Ngọc Minh	D1-P102	10/02/25-02/03/25 - Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11);	ThK7	
327	03KMNT513	Nâng cao hiệu quả thông gió - thoát nước khi khai thác hầm lò xuống sâu	2	03KMNT513_ThSK7.1_LT.1_TH	30	Nguyễn Ngọc Minh	D1-P102	10/02/25-02/03/25 - Thứ 7(T1-5);	ThK7	
328	03KMOK514	Ổn định bờ mỏ và sườn dốc khi khai thác xuống sâu	2	03KMOK514_ThSK7.1_LT	30	Nguyễn Tô Hoài	Online	03/03/25-16/03/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); Thứ 7(T1-5);	ThK7	
329	03KMCL529	Cơ giới hóa công tác chuẩn bị đất đá trong khai thác mỏ lộ thiên	3	03KMCL529_ThSK7.1_LT	30	Nguyễn Tô Hoài	Online	21/04/25-11/05/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); Thứ 7(T1-5);	ThK7	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
330	02lothien330	Khoan nổ mìn	3	02lothien330_VLVHK8.1_L T	9	Nguyễn Văn Đức	D1-P104	10/02/25-02/03/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK8	
331	02DHLOTHIEN1 41	Môi trường công nghiệp	2	02DHLOTHIEN141_VLVH K9.2_LT	8	Nguyễn Văn Đức	PH04	24/03/25-06/04/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK9	
332	02DHLOTHIEN1 45	Thực tập kỹ thuật viên	4	02DHLOTHIEN145_K14.1_ LT.1_TH	3	Nguyễn Văn Đức: Phạm Thu Hiền	D1-P404	06/01/25-19/01/25 - Thứ 3(T1-4); 10/02/25-09/03/25 - Thứ 3(T1-4); 06/01/25-19/01/25 - Thứ 3(T6-9); Thứ 4(T1-4); Thứ 4(T6- 9); Thứ 5(T1-4); 10/02/25-09/03/25 - Thứ 3(T6-9); Thứ 4(T1-4); Thứ 4(T6- 9); Thứ 5(T1-4);	K14	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
333	03KMPK516	Phòng ngừa hiểm họa trong khai thác hầm lò khi xuống sâu	2	03KMPK516_ThSK7.1_LT	30	Nguyễn Văn Thản	D1-P102	17/03/25-30/03/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); Thứ 7(T1-5);	ThK7	
334	03KMTT515	Tối ưu hóa thiết kế mỏ hầm lò	2	03KMTT515_ThSK7.1_LT	30	Phạm Đức Thang	D1-P102	12/05/25-01/06/25 - Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11);	ThK7	
335	02DHLOTHIEN144	Thực tập tốt nghiệp và chỉ huy sản xuất	5	02DHLOTHIEN144_K14.1_LT.1_TH	3	Phạm Thu Hiền	TT ngoài Tr	31/3-3/5	K14	
336	02DHLOTHIEN109	Các quá trình sản xuất mỏ lộ thiên	3	02DHLOTHIEN109_K15.1_LT	5	Phạm Thu Hiền	D1-P207	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T6-8);	K15	
337	02DHLOTHIEN118	Quy trình công nghệ và thiết kế mỏ lộ thiên	2	02DHLOTHIEN118_K15.1_LT	5	Phạm Thu Hiền	D1-P204	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T9-10);	K15	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
338	ThCQ0006	Kỹ thuật khai thác cơ giới hóa đồng bộ hạ trần thu hồi than nóc	2	ThCQ0006_ThSK6.1_LT	15	Tạ Văn Kiên	D1-P101	06/01/25-19/01/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); Thứ 7(T1-5);	ThK6	
339	02hamlo301	Vận tải mỏ	3	02hamlo301_VLVHK8.1_LT	9	Trần Văn Duyệt	D1-P104	14/04/25-04/05/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK8	
340	02lothien411	Thiết kế đường ô tô	2	02lothien411_K14.1_LT	3	Vũ Đình Trọng	D1-P101	06/01/25-09/03/25 - Thứ 5(T6-10);	K14	
341	03KMCK512	Công nghệ tiên tiến trong khai thác mỏ lộ thiên	2	03KMCK512_ThSK7.1_LT	30	Vũ Đình Trọng	Online	06/01/25-19/01/25 - Thứ 2(T10-11); Thứ 3(T10-11); Thứ 4(T10-11); Thứ 5(T10-11); Thứ 6(T10-11); Thứ 7(T1-5);	ThK7	
342	ĐHCQ0027	Địa chất mỏ	2	ĐHCQ0027_K16.1_LT	10	Lê Thị Bình Minh	D1-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T1-2);	K16	
343	ĐHCQ0223	Thực tập địa chất	2	ĐHCQ0223_K16.1_LT.1_TH	10	Lê Thị Bình Minh	D2-P404	06/01/25-11/05/25 - Thứ 6(T1-4);	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
344	02TRACDIA140	Trắc địa mô	2	02TRACDIA140_VLVHK8.1_LT	9	Ngô Thị Hải	D1-P104	03/03/25-16/03/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK8	
345	02TRACDIA142	Trắc địa công trình	3	02TRACDIA142_K16.1_LT	7	Nguyễn Thị Mai Anh	D2-P205	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T6-7);	K16	
346	02TRACDIA142	Trắc địa công trình	3	02TRACDIA142_K16.1_LT.1_TH	7	Nguyễn Thị Mai Anh	D2-P205	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T8-9);	K16	
347	ĐHCQ0273	Thực tập trắc địa	2	ĐHCQ0273_VLVHK8.1_LT.1_TH	9	Nguyễn Thị Mai Anh	D2-P205	17/03/25-13/04/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK8	
348	ĐHCQ0025	Địa chất công trình	3	ĐHCQ0025_K16.1_LT	7	Nguyễn Thị Thu Hường	D1-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T6-7);	K16	
349	ĐHCQ0025	Địa chất công trình	3	ĐHCQ0025_K16.1_LT.1_TH	7	Nguyễn Thị Thu Hường	D2-P404	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T8-9);	K16	
350	02DHXDM112	Thực tập sản xuất 2	4	02DHXDM112_K14.1_LT.1_TH	3	Đỗ Xuân Huỳnh	TT ngoài Tr	10/3-05/4	K14	
351	02DHXDM113	Thực tập sản xuất 1	4	02DHXDM113_K14.1_LT.1_TH	3	Phạm Quang Thành	TT ngoài Tr	10/2-08/3	K14	
352	02DHXDM138	Thực tập tốt nghiệp(XDHC)	4	02DHXDM138_K14.1_LT.1_TH	3	Vũ Ngọc Thuần	TT ngoài Tr	07/4-3/5	K14	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
353	02DHXDM106	Đào chống lò	3	02DHXDM106_K15.1_LT	5	Vũ Ngọc Thuận	D1-P304	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T1-3);	K15	
354	02XDUNG434	Cơ học đá	3	02XDUNG434_K16.1_LT	10	Vũ Thị Ngọc	D1-P206	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T6-7);	K16	
355	02XDUNG434	Cơ học đá	3	02XDUNG434_K16.1_LT.1_TH	10	Vũ Thị Ngọc	M2	06/01/25-11/05/25 - Thứ 5(T8-9);	K16	
7. Bộ môn Lý luận chính trị										
356	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.6_LT	34	Cao Hải An	D1-P402	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T6-7);	K17	
357	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.6_LT.1_T H	34	Cao Hải An	D1-P402	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T8-9);	K17	
358	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.5_LT	91	Cao Hải An	D1-P402	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T6-7);	K17	
359	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.5_LT.2_T H	45	Cao Hải An	D1-P402	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T8-9);	K17	
360	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.5_LT.1_T H	46	Cao Hải An	D1-P402	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T3-4);	K17	
361	02LUAT101	Pháp luật đại cương	2	02LUAT101_K16.1_LT	132	Lê Thị Hằng	Online	31/03/25-11/05/25 - Thứ 4(T6-10);	K16	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
362	02LUAT101	Pháp luật đại cương	2	02LUAT101_K16.2_LT	123	Lê Thị Hằng	Online	31/03/25-11/05/25 - Thứ 7(T6-10);	K16	
363	02KHXXH104	Tâm lý học đại cương	2	02KHXXH104_K17.1_LT	70	Nguyễn Thị Diễm	D1-P402	10/02/25-25/05/25 - Thứ 6(T6-7);	K17	
364	ĐHCQ0122	Kinh tế phát triển	2	ĐHCQ0122_K16.1_LT	17	Nguyễn Thị Hải Ninh	D1-P307	06/01/25-11/05/25 - Thứ 2(T8-9);	K16	
365	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.1_LT	50	Nguyễn Thị Hải Ninh	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T1-2);	K17	
366	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.1_LT.1_T H	25	Nguyễn Thị Hải Ninh	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T3-4);	K17	
367	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.1_LT.2_T H	25	Nguyễn Thị Hải Ninh	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T6-7);	K17	
368	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_VLVHK10.1_L T.1_TH	18	Nguyễn Thị Hải Ninh	D1-P105	10/02/25-09/03/25 - Chủ nhật(T1-4); Chủ nhật(T6-9);	VLVH10	
369	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_VLVHK10.1_L T	18	Nguyễn Thị Hải Ninh	D1-P105	10/02/25-09/03/25 - Thứ 7(T1-4); Thứ 7(T6-9);	VLVH10	
370	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	02CHINHTRI201_VLVHK1 0.1_LT	18	Nguyễn Thị Hải Ninh	Online	10/03/25-23/03/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVH10	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
371	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.2_LT	73	Nguyễn Thị Nhung	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T6-7);	K17	
372	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.2_LT.1_T H	36	Nguyễn Thị Nhung	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T8-9);	K17	
373	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.2_LT.2_T H	37	Nguyễn Thị Nhung	D1-P203	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T8-9);	K17	
374	02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	02CHINHTRI304_VLVHK9 .1_LT	27	Nguyễn Thị Nhung	Online	06/01/25-19/01/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVHK9	
375	02KHXXH105	Văn hóa kinh doanh	2	02KHXXH105_K16.1_LT	7	Nguyễn Thị Thu Hằng	D1-P106	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T1-2);	K16	
376	02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	02CHINHTRI303_K17.2_L T	73	Nguyễn Thị Thu Hằng	D1-P403	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T6-7);	K17	
377	02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	02CHINHTRI303_K17.3_L T	42	Nguyễn Thị Thu Hằng	D1-P201	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T8-9);	K17	
378	02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	02CHINHTRI303_K17.6_L T	34	Nguyễn Thị Thu Hằng	D1-P402	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T6-7);	K17	
379	02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	02CHINHTRI303_K17.5_L T	91	Nguyễn Thị Thu Hằng	D1-P402	10/02/25-25/05/25 - Thứ 4(T8-9);	K17	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
380	02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	02CHINHTRI303_K17.1_L T	50	Nguyễn Thị Thu Hằng	D1-P201	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T1-2);	K17	
381	02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	02CHINHTRI303_K17.4_L T	58	Nguyễn Thị Thu Hằng	D1-P201	10/02/25-25/05/25 - Thứ 5(T3-4);	K17	
382	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.3_LT.2_T H	19	Trần Thị Hoàn	D1-P201	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T10-11);	K17	
383	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.3_LT	42	Trần Thị Hoàn	D1-P201	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T6-7);	K17	
384	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.3_LT.1_T H	23	Trần Thị Hoàn	D1-P201	10/02/25-25/05/25 - Thứ 2(T8-9);	K17	
385	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.4_LT.2_T H	28	Trần Thị Hoàn	D1-P202	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T10-11);	K17	
386	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.4_LT	58	Trần Thị Hoàn	D1-P201	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T6-7);	K17	
387	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	ĐHCQ0123_K17.4_LT.1_T H	30	Trần Thị Hoàn	D1-P202	10/02/25-25/05/25 - Thứ 3(T8-9);	K17	
388	02KHXXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	02KHXXH103_VLVHK10.1_ LT	18	Trần Thị Hoàn	Online	06/01/25-19/01/25 - Thứ 7(T1-5); Thứ 7(T6-10); Chủ nhật(T1-5);	VLVH10	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Giảng viên	Phòng học	Thời gian	Khóa	Ghi chú
389	02CHINHTRI305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	02CHINHTRI305_K16.1_L T	64	Vũ Ngọc Hà	D1-P105	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T6-7);	K16	
390	02CHINHTRI305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	02CHINHTRI305_K16.2_L T	68	Vũ Ngọc Hà	D1-P105	06/01/25-11/05/25 - Thứ 3(T8-9);	K16	
391	02CHINHTRI305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	02CHINHTRI305_K16.3_L T	60	Vũ Ngọc Hà	D1-P105	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T2-3);	K16	
392	02CHINHTRI305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	02CHINHTRI305_K16.4_L T	63	Vũ Ngọc Hà	D1-P105	06/01/25-11/05/25 - Thứ 4(T4-5);	K16	
393	02KHXXH101	Nhập môn logic học	2	02KHXXH101_K17.1_LT	91	Vũ Ngọc Hà	D1-P402	10/02/25-25/05/25 - Thứ 7(T6-7);	K17	
394	02KHXXH101	Nhập môn logic học	2	02KHXXH101_K17.2_LT	34	Vũ Ngọc Hà	D1-P402	10/02/25-25/05/25 - Thứ 7(T8-9);	K17	

Nơi nhận:

- Giám hiệu 02;
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Giảng đường;
- Lưu VT, ĐT (03).



Hiệu trưởng

TS. Hoàng Hùng Thắng

Trưởng Phòng Đào tạo

TS. Nguyễn Văn Thản

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

Người lập

Bùi Duy Khuông